Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2920.22.00

Mã HS	2920.22.00
Mô tả hàng hóa	Este của axit vô cơ khác của các phi kim loại (trừ este của hydro halogenua) và muối của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Phosphite este và muối của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của chúng: / - - Diethyl phosphite
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	06/11/2026 12:34:49
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29202200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4155
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4155
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4155
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4102
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4063
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4063
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4063
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4063
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4063
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4063
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4101
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4101
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4101
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4101

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4101
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4101
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4105
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4105
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4105
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4105
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4105
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4105
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4105
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4069
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4065
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4065
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4065
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4065
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4065
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4065
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4065
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4065
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4065
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4065
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4065
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4065
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4112
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4112
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4112
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4112

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4112
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4112
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4109
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4109
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4109
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4109
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4109
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4109
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4117
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4117
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4117
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4117
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4117
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4117
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4088
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4088
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4088
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4088
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4088
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4088
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4090
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4090
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4090
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4090
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4090
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4090

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4088
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4088
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4088
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4088
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4088
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4088
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4088
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4109
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4109
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4109
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4109
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4109
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4109
RCEP B	2022	2022	0	B!D4109
RCEP B	2023	2023	0	B!E4109
RCEP B	2024	2024	0	B!F4109
RCEP B	2025	2025	0	B!G4109
RCEP B	2026	2026	0	B!H4109
RCEP B	2027	2027	0	B!I4109
RCEP C	2022	2022	0	C!D4109
RCEP C	2023	2023	0	C!E4109
RCEP C	2024	2024	0	C!F4109
RCEP C	2025	2025	0	C!G4109
RCEP C	2026	2026	0	C!H4109
RCEP C	2027	2027	0	C!I4109
RCEP D	2022	2022	0	D!D4109

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4109
RCEP D	2024	2024	0	D!F4109
RCEP D	2025	2025	0	D!G4109
RCEP D	2026	2026	0	D!H4109
RCEP D	2027	2027	0	D!I4109
RCEP E	2022	2022	0	E!D4112
RCEP E	2023	2023	0	E!E4112
RCEP E	2024	2024	0	E!F4112
RCEP E	2025	2025	0	E!G4112
RCEP E	2026	2026	0	E!H4112
RCEP E	2027	2027	0	E!I4112
RCEP F	2022	2022	0	F!D4109
RCEP F	2023	2023	0	F!E4109
RCEP F	2024	2024	0	F!F4109
RCEP F	2025	2025	0	F!G4109
RCEP F	2026	2026	0	F!H4109
RCEP F	2027	2027	0	F!I4109
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3776
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3776
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3776
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3776

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hóa chất Bảng 3 (3B-Các tiền chất 33/2024/NĐ-CP & 26/2026/NĐ-CP)		33/2024/NĐ-CP, 26/2026/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Khai báo HC NK trước khi TQ qua CTT 1CQG (Đ6-NĐ26)			Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2920.22.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2920.22.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4155), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hóa chất Bảng 3 (3B-Các tiền chất 33/2024/NĐ-CP & 26/2026/NĐ-CP)
Khai báo HC NK trước khi TQ qua CTT 1CQG (Đ6-NĐ26)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.